

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS- ST
Ngày: 30-10-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và bà Lê Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chính, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLST – DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở tại số 02, đường L, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông K, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng N (là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27-12-2019 của Tổng giám đốc. Trụ sở giao dịch: N chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắc Nông, địa chỉ: 117 B, tổ dân phố C, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông L, sinh năm 1977 và bà V, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Thôn Q xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông L và bà V có vay Ngân hàng N số tiền gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 5303-LAV-201900613 ngày 09 tháng 5 năm 2019, cụ thể như sau:

1. Khoản vay thứ nhất: Ngày 09 tháng 5 năm 2019, số tiền vay 150.000.000 đồng hạn trả nợ làm 2 kỳ:

+ Kỳ 1 vào ngày 09-5-2020 số tiền: 50.000.000 đồng.

+ Kỳ 2 vào ngày 09-5-2021 số tiền: 100.000.000 đồng.

Kỳ trả nợ lãi 06 tháng một lần tính từ ngày 09-05-2019.

Lãi suất vay trong hạn: 11,5%/năm. Lãi suất vay quá hạn: 17,25%/năm.

Tính đến ngày 30-10-2023, khách hàng đã trả cho Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền gốc và 17.517.808 đồng tiền lãi. Tổng số tiền còn nợ là 157.389.727 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi là 57.389.727 đồng (tạm tính đến ngày 30-10-2023).

2. Khoản vay thứ hai: Ngày 22 tháng 5 năm 2020, số tiền vay 50.000.000 đồng hạn trả nợ làm 2 kỳ:

+ Kỳ 1 vào ngày 22-5-2021 số tiền: 20.000.000 đồng.

+ Kỳ 2 vào ngày 22-5-2022 số tiền: 30.000.000 đồng.

Kỳ trả nợ lãi 03 tháng một lần tính từ ngày 22-5-2021.

Lãi suất vay trong hạn: 11,5%/năm. Lãi suất vay quá hạn: 17,25%/năm.

Tính đến ngày ngày 30 tháng 10 năm 2023, khách hàng đã trả cho Ngân hàng 1.496.575 đồng tiền lãi. Tổng số tiền còn nợ là 70.416.439 đồng (bảy mươi triệu bốn trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 20.416.439 đồng (tạm tính đến ngày 30-10-2023).

Các khoản nợ trên đã quá hạn lâu ngày, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Long và bà Vân không trả nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, ông L và bà V đã vi phạm Hợp đồng số 5303-LAV-201900613 ngày 09 tháng 5 năm 2019 được ký kết giữa Ngân hàng và ông L và bà V, không thực hiện theo đúng kế hoạch trả nợ và đề nợ quá hạn. Tính đến ngày 30-10-2023, ông L và bà V còn nợ tại Ngân hàng N số tiền là **227.806.166 đồng** (hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi là 77.806.166 đồng.

Sau ngày 30-10-2023 N Đắc R'Lập tiếp tục tính lãi, phí theo quy định của N.

Khi vay vốn, ông L và bà V cam kết nếu vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất số BE 393197 thuộc sở hữu của ông L và bà V để thu nợ.

Hiện tại ông L và bà V đã bỏ đi khỏi địa phương nên Ngân hàng N không liên hệ đôn đốc được.

Vì vậy, Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lập, tỉnh Đắk Nông buộc ông L và bà V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi là 77.806.166 đồng (lãi tạm tính đến ngày 30-10-2023) và số tiền lãi phát sinh đến ngày thu hồi hết nợ. Trường hợp ông L và bà V không trả nợ thì cho

Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất số BE 393197 thuộc sở hữu của ông L và bà V để thu nợ theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông L và bà V không có mặt để làm việc nên không có lời khai lưu tại hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 63 của Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn có địa chỉ tại Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết, ông L và bà V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả ông L và bà V đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, bỏ đi khỏi địa phương khoảng 03-04 năm trước không khai báo chính quyền địa phương. Không thông báo cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Đăk R'Lấp là bên có quyền biết địa chỉ nơi cư trú mới. Chính quyền địa phương không biết địa chỉ nơi cư trú mới và không rõ thời điểm trở về của ông L, bà V. Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng N chi nhánh huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.1] Tại Hợp đồng ủy quyền được công chứng chứng thực ngày 25-01-2018, thể hiện: Bà V đồng ý ủy quyền đối với tài sản là quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 393197 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 27-12-2011, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, diện tích 7.600m², cho ông L được quyền xác lập vay vốn tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam, xử lý tài sản thế chấp, thỏa thuận các điều khoản của hợp đồng thế chấp, hợp đồng vay, nhận tiền vay, quyết định số tiền vay, phương thức vay, thời hạn trả, nhận lại tài sản thế chấp, được quyền khai thác trong toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao cho bà V.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và hộ ông L và bà V mà người đại diện cho hộ là ông L xác lập Hợp đồng tín dụng số 5303-LAV-201900613, cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 09-5-2019, số tiền vay 150.000.000 đồng hạn trả nợ làm 2 kỳ: Kỳ 1 vào ngày 09-5-2020 số tiền: 50.000.000 đồng, kỳ 2 vào ngày 09-5-2021 số tiền: 100.000.000 đồng. Kỳ trả nợ lãi 06 tháng một lần tính từ ngày 09-05-2019. Lãi suất vay trong hạn: 11,5%/năm. Lãi suất vay quá hạn: 17,25%/năm. Tính đến ngày 30-10-2023 ông L, bà V đã trả 50.000.000 đồng tiền gốc và 17.517.808 đồng tiền lãi.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 22-5-2020, số tiền vay 50.000.000 đồng hạn trả nợ làm 2 kỳ: Kỳ 1 vào ngày 22-5-2021 số tiền: 20.000.000 đồng, kỳ 2 vào ngày 22-5-2022 số tiền: 30.000.000 đồng. Kỳ trả nợ lãi 03 tháng một lần tính từ ngày 22-5-2021. Lãi suất vay trong hạn: 11,5%/năm. Lãi suất vay quá hạn: 17,25%/năm. Tính đến ngày ngày 30-10-2023, ông L, bà V đã trả 1.496.575 đồng tiền lãi.

Xét việc xác lập hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nên xác định đây là hợp đồng hợp pháp.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông L và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ: Nợ gốc: 150.000.000 đồng đồng và nợ lãi là 77.806.166 đồng tạm tính đến ngày 30-10-2023.

Đến hạn ông L, bà V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, đôn đốc nhiều lần. Vì vậy, ông L và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong hợp đồng trên, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Về xử lý tài sản đảm bảo: Căn cứ Hợp đồng ủy quyền ngày 25-01-2018 và Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 5303-LAV-201900613 ngày 09-5-2019, xác định: Hình thức bảo đảm tiền vay: Cam kết bằng quyền sử dụng đất số BE 393197.

Tại văn bản Cam kết bảo đảm bằng tài sản đề ngày 09-5-2019 do ông L là người cam kết, thể hiện ông bà cam kết dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 393197, diện tích 7.600m² để đảm bảo cho tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết với Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trường hợp ông bà vi phạm cam kết theo các hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ.

Nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng và cam kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc xác định: Thửa đất ông L và bà V sử dụng để bảo đảm cho khoản vay có diện tích đất thực tế là 6782,3m² (ranh giới sử dụng đất do đại diện Ngân hàng N chi nhánh Đắk R'Lấp chỉ ranh), địa chỉ thửa đất ở Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tới cận phía Đông giáp nương nước, phía Tây giáp nương nước, phía Nam giáp nương nước, phía Bắc giáp đất không rõ số thửa. Trên đất có 650 cây cà phê đã bỏ hoang không chăm sóc lâu năm, bị cỏ dại mọc bao phủ; có 03 cây sầu riêng không được chăm sóc và 01 hồ nước bỏ hoang.

Văn bản số 413/CNĐRL-TTTLT ngày 16-8-2023 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, thể hiện: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10, diện tích 7600m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 393197 hiện vẫn đứng tên ông L và bà V, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ chưa nhận được các thủ tục đăng ký biến động liên quan đến thửa đất.

Do ông L và bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ về việc xử lý tài sản đảm bảo. Trường hợp ông L và bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất số BE 393197 thuộc sở hữu của ông L và bà V để thu nợ theo quy định.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ được chấp nhận, nên ông L và bà V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Tổng cộng là 2.954.000 đồng. Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ đã nộp tạm ứng, nên ông L và bà V có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ số tiền 2.954.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông L và bà V phải trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tổng số tiền: **227.806.166 đồng** (hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 77.806.166 đồng (bảy mươi bảy triệu tám trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông L và bà V phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5303-LAV-201900613 ngày 09-5-2019, kể từ ngày 31-10-2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông L và bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 393197 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27-12-2011 cho ông L và bà V, theo Hợp đồng tín dụng số 5303-LAV-201900613 ngày 09-5-2019, và văn bản Cam kết bảo đảm bằng tài sản đề ngày 09-5-2019 để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông L và bà V phải nộp 11.390.308 đồng (mười một triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm linh tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đắk Nông số tiền 5.091.000 đồng (năm triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp thay, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005445 ngày 14-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Ông L và bà V có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Đ số tiền 2.954.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Mai Đoàn Minh Hương